

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày 18 tháng 11 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Tám và ông Lê Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo:

Bùi Thị L, sinh ngày 20/6/1978, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Ấp B, xã B, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật giáo H1; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; con ông Bùi Văn P, sinh năm 1945 và bà Vũ Thị K, sinh năm 1946; anh em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai; Chồng: Võ Văn P1, sinh năm 1977 (đã ly hôn năm 2023); Con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/9/2025 đến nay, tại Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh A; (có mặt).

- Bị hại: Bà Lữ Thị Kim H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khóm E, phường L, tỉnh An Giang; (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Minh T, sinh năm 2001; nơi cư trú: C, khóm E, phường L, tỉnh An Giang; (có mặt).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu E, sinh năm 1989; ông Ôn Ngọc C, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; (tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 09/02/2025, do mâu thuẫn từ trước, Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1976 cùng Lữ Thị Kim H, sinh năm 1964 đến nhà của Bùi Thị L, sinh năm 1978, tại ấp B, xã B, tỉnh An Giang để nói chuyện thì xảy ra cự cãi với L. Trong lúc cự cãi, H đứng ngoài đường cầm điện thoại di động nhãn hiệu One plus 7, màu xanh để quay phim lại vụ việc. Khoảng 20 phút sau, H đến đứng trước cửa nhà ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971 cách nhà L khoảng 10 mét, tiếp tục dùng điện thoại tiếp tục quay phim về hướng nhà L. Thấy vậy, L từ trong nhà chạy ra giằng co giật điện thoại của H làm rớt xuống đường lộ nhựa, L nhặt điện thoại của H rồi đập liên tiếp 02 cái xuống nền đường lộ nhựa làm điện thoại hư hỏng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG.TTHS ngày 15/4/2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu One plus 7, màn hình cảm ứng, màu xanh, số IMEI: 865510040149348, đã qua sử dụng, có giá trị thiệt hại là 3.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSPT ngày 23 tháng 10 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang đã truy tố Bùi Thị L ra trước Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang để xét xử về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, bị cáo L thừa nhận có thực hiện hành vi đập điện thoại của bị hại H, làm điện thoại hư hỏng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết. Bị cáo trình bày thêm, nguyên nhân đập điện thoại của H là do vào thời điểm trên, bị cáo đang ở nhà thì có người đập cửa nhà kêu ra nói chuyện, khi mở cửa nhà thì thấy 01 người phụ nữ (sau này mới biết người này tên là Đ) trên tay cầm khúc gỗ dài khoảng 01 mét, chửi bị cáo, trong lúc bị cáo và bà Đ đang chửi nhau thì thấy H cầm điện thoại quay phim về hướng nhà của bị cáo, khi đó bị cáo có cảnh cáo H không được quay phim nhưng H vẫn tiếp tục quay phim, chụp hình nhà của bị cáo, do tức giận nên mới đập điện thoại của H. Sau sự việc xảy ra, bị cáo có tác động để con của bị cáo nộp số tiền 3.500.000 đồng thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại H. Nay đồng ý bồi thường giá trị thiệt hại do điện thoại bị hư với số tiền 3.500.000 đồng. Bị cáo nhận tội, không bào chữa và tranh luận gì khác, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị hại Lữ Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai trong quá trình điều tra trình bày phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử lý bị cáo Bùi Thị L về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 3.500.000 đồng và bồi thường danh dự, nhân phẩm do bị xúc phạm số tiền 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Minh T có mặt tại phiên tòa trình bày đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo L số tiền 10.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh An Giang và không yêu cầu bị cáo L hoàn trả lại.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Bảo Thu E; ông Ôn Ngọc C; bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra trình bày phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Thị L mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Bùi Thị L có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại H số tiền 3.500.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng do con của bị cáo là Võ Minh T nộp tại Thi hành án khu vực 12, tỉnh An Giang; hoàn trả lại cho Võ Minh T số tiền 6.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[2.2.1] Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 09/02/2025, do có mâu thuẫn từ trước, bị cáo Bùi Thị L đã có hành vi dùng tay ném điện thoại của bị hại Lữ Thị Kim H xuống nền đường lộ nhựa làm điện thoại bị hư hỏng, gây thiệt hại số tiền 3.500.000 đồng.

[2.2.2] Bị cáo Bùi Thị L là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên của bị cáo L đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nên đã phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[2.2.3] Ngoài ra, tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật Hình sự có quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tác động gia đình nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại; có cha ruột là người có công với cách mạng; nguyên nhân có một phần lỗi của bị hại là tìm đến nhà bị cáo để cự cãi và tự ý quay phim, ghi hình lại không được sự đồng ý của bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[3.3] Xét thấy, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có

nơi cư trú rõ ràng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Xét, nếu không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hại cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức thấp của khung hình phạt tù xử phạt đối với bị cáo, đồng thời cho bị cáo hưởng án treo, về thời gian thử thách bằng 02 lần mức hình phạt đã tuyên.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã xử lý trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu One plus 7, màn hình cảm ứng, màu xanh cho Lữ Thị Kim H. Nay không ai có ý kiến nào khác, nên không xem xét đến.

[6] Về trách nhiệm dân sự, nhận thấy:

[6.1] Hành vi của bị cáo L đã làm hư hỏng của bị hại 01 điện thoại di động nhãn hiệu One plus 7, màn hình cảm ứng, màu xanh, số IMEI: 865510040149348, đã qua sử dụng. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG.TTHS ngày 15/4/2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P thì giá trị thiệt hại đối với điện thoại này là 3.500.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra, Lữ Thị Kim H có yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thiệt hại đối với điện thoại di động bị hư hỏng với số tiền 3.500.000 đồng. Tại phiên toà, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 3.500.000 đồng như bị hại đã yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào ý kiến này của bị hại và bị cáo, buộc bị cáo bồi thường cho Lữ Thị Kim H số tiền 3.500.000 đồng.

[6.2] Đối với yêu cầu của bị hại H về việc yêu cầu bị cáo bồi thường danh dự, nhân phẩm do bị cáo L xúc phạm với số tiền 20.000,000 đồng. Xét không có liên quan đến vụ án này, nên hội đồng xét xử không xem xét đến. Bị hại có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác.

[6.2] Đối với số tiền 10.000.000 đồng do chị Võ Minh T (con ruột của bị cáo L) nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh An Giang, giao Phòng thi hành án tiếp tục quản lý để chi trả khoản tiền bị cáo bồi thường cho bị hại, số còn lại 6.500.000 đồng trả lại cho Võ Minh T.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên toà nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị L phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị L 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 18/11/2025.

Trả tự do ngay cho bị cáo Bùi Thị L tại phiên toà, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Bùi Thị L cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Bùi Thị L có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại Lữ Thị Kim H số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Giao Thi hành án dân sự tỉnh An Giang tiếp tục quản lý số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) do chị Võ Minh T nộp theo biên lai thu tiền số 0000857 ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang để chi trả về khoản bị cáo Bùi Thị L bồi thường cho bị hại Lữ Thị Kim H như đã nêu trên, số còn lại 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) trả lại cho chị Võ Minh T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Thị L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 12- An Giang (1);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh AG (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang (1);
- Bộ phận THAHS TAND khu vực 12 (2);
- THADS tỉnh An Giang (2);
- Những người tham gia tố tụng (1);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Sơn